

Số: **100** /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày **20** tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; trên cơ sở đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 794/TTr-STTTT ngày 13/6/2022, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch “Phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số với cấu trúc theo quy định nhằm thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
- Hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, phục vụ xây dựng các bản đồ số chuyên ngành, phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện kế hoạch triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh.
- Làm tốt công tác truyền thông, thông tin về Kế hoạch trên các phương tiện báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, nền tảng số, mạng xã hội.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số

- Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng (cụ thể tại Phụ lục I), đảm bảo cấu trúc theo quy định (cụ thể tại Phụ lục II).
- Khuyến khích Bru điện tỉnh và các địa phương thu thập, cập nhật các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu địa chỉ số đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

- Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

- Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải,...

- Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.

3. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số

a) Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

- Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình);

- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể);

- Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình được gán địa chỉ số.

b) Hình thức thông báo: việc thông báo địa chỉ số tới chủ địa chỉ có thể qua các kênh như: qua chính quyền xã, thôn, tổ dân phố; gặp trực tiếp; hoặc gửi qua tin nhắn, email, đường thư, mạng xã hội.

c) Gắn biển địa chỉ số:

- Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gắn vào đối tượng/công trình được gán địa chỉ để nhận biết địa chỉ số của đối tượng.

- Mẫu Biển địa chỉ do UBND tỉnh phê duyệt theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Khuyến khích UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai đồng bộ việc gắn biển địa chỉ số, với nguồn kinh phí xã hội hóa, hoặc được hỗ trợ từ ngân sách phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương, hoặc các đối tượng/công trình tự gắn Biển địa chỉ số theo nhu cầu.

4. Tổ chức đánh giá, công nhận và công bố đạt yêu cầu Nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh

Trên cơ sở các tiêu chí kỹ thuật của nền tảng địa chỉ số đã được quy định, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức hội đồng hoặc nhóm chuyên gia thực hiện các thủ tục đánh giá, công nhận, chứng nhận đạt yêu cầu Nền tảng địa chỉ số tỉnh Quảng Ngãi theo kết quả đánh giá.

5. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

- Nội dung thông tin, tuyên truyền: Kế hoạch triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh; giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số.

- Phương thức thông tin, tuyên truyền: Xây dựng tài liệu, ấn phẩm truyền thông; thường xuyên tổng hợp và cung cấp thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử, truyền thanh cơ sở và theo các phương thức khác, nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Tham dự các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số do các cơ quan chức năng tổ chức.

- Triển khai, tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sử dụng, khai thác nền tảng địa chỉ số.

(Chi tiết phân công thực hiện một số nhiệm vụ năm 2022 tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch này)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn kinh phí của doanh nghiệp, huy động từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

2. Đối với kinh phí thực hiện Kế hoạch trong năm 2022 được bố trí từ ngân sách nhà nước: Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động cân đối, sắp xếp kinh phí trong dự toán được giao. Từ năm 2023 trở đi, căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương (trừ các doanh nghiệp) có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết, lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách; chủ động huy động kinh phí từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

3. Đối với kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn kinh phí của doanh nghiệp: Bưu điện tỉnh, các doanh nghiệp liên quan chủ động bố trí kinh phí và các nguồn lực của đơn vị để thực hiện Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Làm cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung của Kế hoạch này. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông khi có yêu cầu.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt mẫu Biểu địa chỉ số thống nhất trong toàn tỉnh, theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện thông tin, tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số quốc gia và thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương có nhu cầu sử dụng dữ liệu địa chỉ số, nền tảng bản đồ số để triển khai ứng dụng bản đồ số chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu cho UBND tỉnh kết nối các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số tham gia kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông với các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai xây dựng các bản đồ số chuyên ngành theo nhu cầu khai thác, quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển nền tảng bản đồ số, nền tảng địa chỉ số quốc gia.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để tích hợp Nền tảng bản đồ số và Nền tảng địa chỉ số quốc gia để phát triển các giải pháp, nền tảng số “Make in Viet Nam” phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp phát triển nền tảng để thúc đẩy sử dụng nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch của các đơn vị dự toán cấp tỉnh lập và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch.

- Thực hiện thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ.

- Triển khai gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng trên địa bàn đã được gán mã địa chỉ số theo mẫu biển địa chỉ số được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Căn cứ nhu cầu quản lý, khai thác tại địa phương, chủ trì, phối hợp Bưu

điện tỉnh Quảng Ngãi, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, khai thác thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử của đơn vị về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo chính quyền xã, thôn, tổ dân phố phối hợp với đơn vị chức năng trong thu thập, cập nhật các trường thông tin và thông báo địa chỉ số, cơ sở dữ liệu địa chỉ số để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Định kỳ quý, năm (*báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 20/11*) báo cáo theo mục II, III, IV Phụ lục IV kèm theo Kế hoạch này hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương căn cứ nhu cầu quản lý, khai thác của mình chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh Quảng Ngãi, Doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số thực hiện thu thập các trường thông tin nâng cao, các đối tượng địa chỉ khác cung cấp cho Bưu điện tỉnh Quảng Ngãi để cập nhật vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia, phục vụ xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, khai thác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Bưu điện tỉnh Quảng Ngãi

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ liên quan tại Kế hoạch này.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp. Báo cáo kế hoạch với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

- Phối hợp truyền thông về Nền tảng địa chỉ số để chủ địa chỉ, người sử dụng, khai thác địa chỉ biết, sử dụng, tạo thói quen sử dụng địa chỉ số trong xã hội.

- Xây dựng quy trình cấp tài khoản người dùng: khai báo, tạo lập, xác thực địa chỉ.

- Là đầu mối phối hợp với đơn vị liên quan để thu thập, cập nhật, sửa đổi, bổ sung thông tin các đối tượng địa chỉ khác và cập nhật các trường thông tin nâng cao.

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục III Kế hoạch này, các nhiệm vụ có liên quan theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Định kỳ tháng, quý, năm (báo cáo tháng trước ngày 20 hàng tháng, báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 20/11) báo cáo theo mục I, mục IV Phụ lục IV kèm theo Kế hoạch này, hoặc nội dung đột xuất khi được yêu cầu, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong tuyên truyền, quảng bá nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh.

- Lòng ghép xây dựng, đăng tải và phát các bản tin, phóng sự về nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trong các chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

8. Công an tỉnh

- Phối hợp xác thực, cập nhật, bổ sung các thông tin địa chỉ số trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ Bưu điện tỉnh Quảng Ngãi trong việc thu thập, cập nhật bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh, đối chiếu dữ liệu địa chỉ theo hộ khẩu thường trú/biến số nhà với dữ liệu địa chỉ số phục vụ thông báo và gắn Biển địa chỉ số.

9. Doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số

Doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số triển khai xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, khai thác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch có phát sinh vướng mắc, khó khăn đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo), TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Thành viên BCD chuyển đổi số tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: PCVP, các phòng, ban, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.Tr

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC I
PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ
(Kèm theo Kế hoạch số 100 /KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh)

Đối tượng gán địa chỉ số được phân thành các loại như sau:

I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các tòa nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

II. Trụ sở cơ quan, tổ chức

2. Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội: (i) trụ sở Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương và đơn vị trực thuộc; (ii) Trụ sở Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (iii) Trụ sở Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, UBND cấp huyện, HĐND cấp huyện và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iv) Trụ sở Đảng ủy, UBND và HĐND xã, phường, thị trấn và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (v) Trụ sở tòa án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (vi) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vii) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (viii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (ix) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác và cơ quan chuyên môn của nhà nước.

3. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội

4. Cơ sở giáo dục, đào tạo: (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

5. Cơ sở y tế, dược phẩm: (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khỏe: cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khỏe, thẩm mỹ viện, spa, massage, tatoo, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khỏe khác; (iii) Cơ sở thú y: bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

6. Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê: (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, tòa nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chứng, môi giới, quảng cáo: phòng công chứng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi,...

7. Cơ sở văn hóa: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hóa; Cơ sở văn hóa khác.

8. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

9. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, bãi biển, điểm checkin; bến xe, bến tàu, sân bay, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,... (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

10. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

11. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hóa xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

12. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyển phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

13. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

14. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

15. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến tàu thuyền, bến cảng, nhà ga, sân bay, bến hành khách, bến hàng hóa, âu tàu, khu chuyển tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

16. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

17. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hóa chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

IV. Các công trình giao thông, xây dựng

18. Đường giao thông: đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, cầu, nút giao thông (ngã ba, ngã tư, ...), hầm đi bộ sang đường, cầu đi bộ sang đường, các cơ sở hạ tầng giao thông khác.

19. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); Công trình thoát nước (hồ điều

hòa, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); Cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

20. Công trình xây dựng khác: gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng (tham khảo các loại công trình tại các phụ lục của Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 20/6/2021) không nằm trong các loại nêu trên.

21. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hỏa, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, ...

V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất

22. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

23. Các thửa đất, lô đất, khu đất: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; Đất xây dựng công trình sự nghiệp; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, và đất nông nghiệp khác.

VI. Các đối tượng khác

24. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi,...).

25. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí./.

PHỤ LỤC II
CẤU TRÚC NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ
(Kèm theo Kế hoạch số 100 /KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh)

1. Các khái niệm

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số).

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

2. Cấu trúc địa chỉ số

Địa chỉ số bao gồm Mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số

2.1. Mã địa chỉ số: gồm tập hợp 10 (mười) ký tự số, xác định đối tượng được gán địa chỉ số, cụ thể:

- Năm (05) ký tự số đầu gọi là Mã khu vực, xác định đơn vị hành chính cấp phường, xã và đơn vị hành chính tương đương.

- Năm (05) ký tự số tiếp theo gọi là Mã mở rộng, được gán ngẫu nhiên đến từng Đối tượng cụ thể.

Cấu trúc Mã địa chỉ số thể hiện trong hình sau:

Cấu trúc địa chỉ số

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----

Mã khu vực
(tổ hợp 0-9, gán đến đơn vị hành chính cấp xã)

Được gán đến từng đơn vị hành chính cấp phường/xã.

Mã mở rộng
(tổ hợp 0-9, gán ngẫu nhiên tới từng địa chỉ vật lý cụ thể trong phạm vi khu vực)

Được gán đến từng nhà ở, trụ sở, công trình, địa điểm cần gán địa chỉ.
 Duy nhất cho mỗi khu vực

2.2. Các trường thông tin địa chỉ số

a) Các trường thông tin cơ bản:

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/xóm, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng);

Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

3.2. Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Tòa nhà).

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường.

PHỤ LỤC III
NỘI DUNG CƠ BẢN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022
 (Kèm theo Kế hoạch số ~~100~~ /KH-UBND ngày ~~20~~ 20/6/2022 của UBND tỉnh)

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

- 100% đối tượng được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số; Khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

- 100% chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; Khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

- Phần đầu có ít nhất một ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng.

II. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nguồn kinh phí			Thời gian hoàn thành
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Bưu điện tỉnh	
I	Xây dựng các Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số						
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở TT&TT	Sở TNMT, Bưu điện tỉnh				Tháng 6/2022
2	Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Bưu điện tỉnh	Bưu điện Việt Nam			x	Tháng 6/2022
II	Nhiệm vụ triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số						
1	Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số						
a	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh	Sở TT&TT, sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện			x	Tháng 7-12 năm 2022
b	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL	Bưu điện tỉnh	Sở TT&TT, sở, ban, ngành		x	x	Tháng 7-12 năm 2022

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nguồn kinh phí			Thời gian hoàn thành
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Buru điện tỉnh	
	địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)		liên quan, UBND cấp huyện				
2	Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số						
a	Thiết kế, phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của tỉnh Quảng Ngãi (trường hợp không dùng mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông)	Sở TT&TT	Đơn vị thuộc Bộ TT&TT	x			Tháng 8-12 năm 2022
b	Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở TT&TT		x		Tháng 7-12 năm 2022
c	Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gắn địa chỉ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở TT&TT		x		Tháng 7-12 năm 2022
d	Triển khai gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở TT&TT		x		Tháng 7-12 năm 2022
3	Tổ chức đánh giá, công nhận và công bố đạt yêu cầu Nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	Buru điện tỉnh, Vụ Quản lý DN-Bộ TT&TT	x			Tháng 10/2022
4	Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số và kết quả triển khai Kế hoạch						
a	Tổng hợp, cung cấp thông tin và thực hiện tuyên truyền qua các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình	Sở TT&TT	Đài PT&TH, Báo Quảng Ngãi, các đơn vị liên quan	x			Từ tháng 6/2022
b	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở TT&TT		x		Tháng 6-12 năm 2022
c	Tuyên truyền qua kênh thông tin đối ngoại; trên các	Sở TT&TT	Các đơn vị liên	x			Tháng 6-12

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nguồn kinh phí			Thời gian hoàn thành
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Bưu điện tỉnh	
	xuất bản phẩm, trang tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông		quan				năm 2022
d	Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia	Sở TT&TT	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Bưu điện tỉnh	x			Tháng 7-12 năm 2022
6	<i>Xây dựng quy chế quản lý, duy trì và khai thác CSDL địa chỉ số tỉnh Quảng Ngãi</i>	<i>Sở TT&TT</i>	<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện, Bưu điện tỉnh</i>				<i>Tháng 10-11 năm 2022</i>
7	<i>Chủ trì, phối hợp doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành.</i>	<i>Sở TT&TT</i>	<i>Sở TNMT; Bưu điện tỉnh; sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện</i>	<i>x</i>	<i>x</i>		<i>Tháng 6-12 năm 2022</i>

PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO TỔNG HỢP CHỈ TIÊU VỀ TRIỂN KHAI NỀN TẢNG ĐỊA
CHỈ SỐ GẮN VỚI BẢN ĐỒ SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số: 400/KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị báo cáo:

Quý năm

TT	Tên chỉ tiêu (đơn vị phụ trách)	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
I	Số lượng đối tượng đã được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số (Bưu điện tỉnh báo cáo)					
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác	Đối tượng				Chỉ tiêu khuyến khích
II	Số lượng chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được thông báo thông tin Mã địa chỉ số (UBND cấp huyện báo cáo)					
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ				
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích

TT	Tên chỉ tiêu (đơn vị phụ trách)	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
6	Các đối tượng khác	Đối tượng				Chỉ tiêu khuyến khích
III	Số lượng đối tượng, công trình được gắn biển địa chỉ số (UBND cấp huyện báo cáo)	Biển				Chỉ tiêu khuyến khích
IV	Số ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng (sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, Bưu điện tỉnh báo cáo)	Ứng dụng				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo